

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXVII

Phẩm 23: BỒ TÁT SƯ TỬ HỒNG 3

Bồ-tát Sư Tử Hồng bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, tất cả các pháp có hai thứ nhân, một là chánh nhân, hai là duyên nhân. Do hai nhân này nên không có trói hay mở. Năm ấm này từng niệm từng niệm sinh diệt. Như sự sinh diệt ấy thì ai trói? Ai mở? Bạch Thế Tôn! Nhân năm ấm này sinh ra năm ấm sau. Ấm này tự diệt chẳng đến ấm kia. Tuy chẳng đến ấm kia nhưng có thể sinh ra ấm kia. Như nhân hạt sinh ra mầm mà hạt chẳng đến mầm. Tuy hạt chẳng đến mầm mà có thể sinh ra mầm. Chúng sinh cũng vậy thì sao gọi là trói hay mở?

–Này thiện nam! Hãy lắng nghe! Lắng nghe! Ta sẽ vì ông phân biệt, giảng nói. Này thiện nam! Như khi người bỏ mạng chịu khổ lớn thì bà con vây quanh gào khóc. Người ấy sợ hãi không biết nương tựa kêu cứu vào đâu. Tuy có năm căn nhưng người ấy không hay không biết gì, chân tay run rẩy, chẳng thể tự giữ gìn, thân thể lạnh ngắt, hơi ấm sắp hết, thấy tướng báo ứng của việc thiện, ác đã tạo từ trước. Này thiện nam! Như mặt trời lặn xuống thì bóng núi, đồi, gò, đồng hiện ngã về đông, không ngã về tây. Nghiệp quả chúng sinh cũng như vậy, khi ấm này diệt thì ấm kia nối tiếp sinh, như đèn thắp lên thì bóng tối diệt, đèn tắt thì bóng tối sinh ra. Này thiện nam! Như dấu sấp in vào đất sét, con dấu cùng đất sét hợp lại, nếu con dấu diệt thì hoa văn hiện thành. Nhưng con dấu sấp chẳng biến mất vào đất sét, hoa văn chẳng phải do đất sét sinh ra, chẳng ở chỗ khác đến mà do nhân duyên dấu sấp sinh ra hoa văn này. Ấm hiện tại diệt thì ấm của trung ấm sinh. Ấm hiện tại này nhất định

chẳng biến làm năm ấm của trung ấm. Năm ấm của trung ấm cũng chẳng phải tự sinh, chẳng từ chỗ khác đến mà nhân ấm hiện tại sinh ra ấm trung ấm, như dấu sáp in vào đất sét, dấu hoại thì hoa văn thành. Tên gọi tuy không sai mà thời tiết đều khác. Vậy nên ta nói, năm ấm của trung ấm chẳng phải mắt thịt nhìn thấy mà là cái thấy của mắt trời. Trong trung ấm này có ba thứ ăn, một là tư thực (ăn bằng tư tưởng), hai là xúc thực (ăn bằng chạm xúc), ba là ý thực. Trung ấm có hai thứ, một là nghiệp quả thiện, hai là nghiệp quả ác. Nhân nghiệp thiện nên được giác quán thiện. Nhân nghiệp ác nên bị giác quán ác. Khi cha mẹ giao hợp thì tùy theo nhân duyên nghiệp, chỉ hưởng về chỗ thọ sinh, đối với mẹ sinh yêu thương thì đối với cha sinh sân giận. Khi tinh cha xuất ra thì cho là của mình. Đã thấy rồi, lòng mừng mà sinh ra hoan hỷ. Do ba thứ nhân duyên phiền não này nên ấm của trung ấm hoại đi mà sinh ra năm ấm sau, như dấu in vào đất sét in xong thì hoa văn sinh. Khi sinh ra, các căn có đủ hay chẳng đủ. Người đủ thì thấy sắc nên sinh ra tham, mà sinh ra tham thì gọi là ái. Cuồng dại nên sinh ra tham thì đó gọi là vô minh. Do hai nhân duyên tham ái, vô minh nên những cảnh giới đã thấy đều điên đảo: vô thường thấy thường, vô ngã thấy ngã, vô lạc thấy lạc, vô tịnh thấy tịnh. Do Bốn điên đảo nên tạo tác hạnh thiện, ác, phiền não tạo tác nghiệp, nghiệp tạo tác phiền não v.v... Đó gọi là trói buộc. Do nghĩa này nên gọi là năm ấm sinh. Người này nếu được thân cận với Phật và đệ tử của Phật, các thiện tri thức thì liền được nghe thọ Mười hai bộ loại kinh điển. Do được nghe pháp nên quan sát cảnh giới thiện. Quan sát cảnh giới thiện nên được trí tuệ lớn. Trí tuệ lớn thì gọi là chánh tri kiến. Được chánh tri kiến nên ở trong sinh tử sinh lòng hối hận. Do sinh lòng hối hận nên chẳng sinh hoan lạc. Chẳng sinh hoan lạc nên có thể phá được lòng tham. Phá lòng tham nên tu tám chánh đạo. Tu tám chánh đạo nên không sinh tử, mà không sinh tử nên gọi là được giải thoát. Như lửa chẳng gặp được củi gọi là lửa tắt, diệt sinh tử nên gọi là diệt độ. Do nghĩa này nên gọi là năm ấm diệt.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Trong hư không không có gai sao nói là nhỏ? Ấm không ràng buộc thì sao gọi là trói buộc?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Do khóa phiền não trói buộc năm ấm, lìa năm ấm rồi không có phiền não riêng, lìa phiền não rồi không có năm ấm riêng. Này thiện nam! Như cây trụ chống giữ nhà, lìa nhà không có cột, lìa cột không có nhà. Năm ấm của chúng sinh cũng như vậy, có phiền não nên gọi là trói buộc, không phiền não nên gọi là giải thoát. Này thiện nam! Như nắm tay, chấp tay, trói buộc v.v... cả ba hợp tan, sinh diệt lại không có pháp riêng. Năm ấm của chúng sinh cũng như vậy, có phiền não nên gọi là trói buộc, không phiền não nên gọi là giải thoát. Này thiện nam! Như nói danh sắc trói buộc chúng sinh. Danh sắc nếu diệt thì không có chúng sinh, lìa danh sắc rồi không có chúng sinh riêng, lìa chúng sinh rồi không có danh sắc riêng, nên cũng gọi là danh sắc trói buộc chúng sinh, cũng gọi là chúng sinh trói buộc danh sắc.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như mắt chẳng tự thấy, ngón tay chẳng tự chạm xúc, lưỡi dao chẳng tự cắt, thọ chẳng tự thọ thì tại sao Như Lai nói, danh sắc trói buộc danh sắc? Vì sao? Vì nói danh sắc tức là chúng sinh, nói chúng sinh tức là danh sắc. Nếu nói danh sắc trói buộc chúng sinh tức là danh sắc trói buộc danh sắc.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Như khi hai tay hợp lại thì không có pháp khác đến hợp. Danh cùng với sắc cũng như vậy. Do nghĩa này nên ta nói, danh sắc trói buộc chúng sinh. Nếu lìa khỏi danh sắc thì được giải thoát nên ta nói chúng sinh giải thoát.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có danh sắc trói buộc thì các A-la-hán chưa lìa khỏi danh sắc đáng lẽ cũng bị ràng buộc chẳng?

–Này thiện nam! Giải thoát có hai thứ: một là tử đoạn, hai là quả đoạn. Nói tử đoạn là đoạn phiền não. A-la-hán v.v... đã đoạn phiền não, mọi kết tan rã hủy hoại. Vậy nên kết của hạt nhân chẳng thể trói buộc. Chưa đoạn kết quả nên gọi là quả trói buộc. Các A-la-hán chẳng thấy Phật tánh, do chẳng thấy nên chẳng được Vô thượng

Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên có thể nói quả ràng buộc, chẳng thể nói danh sắc ràng buộc. Nay thiện nam! Ví như khi thấp đèn mà dầu chưa hết thì ánh sáng chẳng diệt, nhưng nếu dầu hết thì ánh sáng diệt không gì nghi ngờ. Nay thiện nam! Cái gọi là dầu là dụ cho các phiền não, đèn lại dụ cho chúng sinh. Tất cả chúng sinh vì dầu phiền não nên chẳng vào Niết-bàn. Nếu có người đoạn được thì vào Niết-bàn.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đèn với dầu cả hai tánh đều khác, còn chúng sinh, phiền não thì chẳng như vậy. Chúng sinh tức là phiền não, phiền não tức là chúng sinh, chúng sinh gọi là năm ấm, năm ấm gọi là chúng sinh, năm ấm gọi là phiền não, phiền não gọi là năm ấm thì làm sao Như Lai đem dụ nó với đèn?

Đức Phật dạy:

–Nay thiện nam! Dụ có tám thứ, một là thuận dụ, hai là nghịch dụ, ba là hiện dụ, bốn là phi dụ, năm là tiên dụ, sáu là hậu dụ, bảy là tiên hậu dụ, tám là biến dụ.

Sao gọi là thuận dụ? Như trong kinh nói, trời tuôn mưa lớn ngòi rãnh tràn đầy, ngòi rãnh đầy nên hầm nhỏ đầy, hầm nhỏ đầy nên hầm lớn đầy, hầm lớn đầy nên suối nhỏ đầy, suối nhỏ đầy nên suối lớn đầy, suối lớn đầy nên ao nhỏ đầy, ao nhỏ đầy nên ao lớn đầy, ao lớn đầy nên sông nhỏ đầy, sông nhỏ đầy nên sông lớn đầy, sông lớn đầy nên biển cả đầy. Mưa pháp của Như Lai cũng như vậy, giới của chúng sinh đầy, giới đầy đủ nên lòng chẳng hối hận đầy, lòng chẳng hối hận đầy nên hoan hỷ đầy, hoan hỷ đầy nên xa lìa đầy, xa lìa đầy nên yên ổn đầy, yên ổn đầy nên Tam-muội đầy, Tam-muội đầy nên chánh tri kiến đầy, chánh tri kiến đầy nên chán lìa đầy, chán lìa đầy nên quả trách đầy, quả trách đầy nên giải thoát đầy, giải thoát đầy nên Niết-bàn đầy. Đó gọi là thuận dụ.

Sao gọi là nghịch dụ? Biển cả có gốc là sông lớn, sông lớn có gốc là sông nhỏ, sông nhỏ có gốc là ao lớn, ao lớn có gốc là ao nhỏ, ao nhỏ có gốc là suối lớn, suối lớn có gốc là suối nhỏ, suối nhỏ có gốc là hầm lớn, hầm lớn có gốc là hầm nhỏ, hầm nhỏ có gốc là suối

khe, suốt khe có gốc là mưa lớn. Niết-bàn có gốc là giải thoát, giải thoát có gốc là quở trách, quở trách có gốc là chán lìa, chán lìa có gốc là chánh tri kiến, chánh tri kiến có gốc là Tam-muội, Tam-muội có gốc là yên ổn, yên ổn có gốc là xa lìa, xa lìa có gốc là tâm hỷ, tâm hỷ có gốc là chẳng hối, chẳng hối có gốc là trì giới, trì giới có gốc là mưa pháp. Đó gọi là nghịch dụ.

Sao gọi là hiện dụ? Như trong kinh nói tâm tánh chúng sinh giống như con khỉ đột. Tánh của khỉ đột chuyển mãi không dừng. Tâm tánh của chúng sinh cũng như vậy, tham lấy sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp không khi nào tạm đứng lại. Đó gọi là hiện dụ.

Sao gọi là phi dụ? Như thuở trước Ta bảo vua Ba-tư-nặc: “Này đại vương! Có người thân tín từ bốn phương đến đều nói lời này: ‘Tâu đại vương! Có bốn núi lớn từ bốn phương đến muốn hại dân chúng’. Nếu nhà vua nghe thì phải thiết lập kế gì?. Nhà vua đáp: “Thưa Thế Tôn! Giả sử có điều này đến, không tìm chỗ chạy trốn, chỉ phải chuyên tâm trì giới, bố thí”. Ta liền khen ngợi: “Hay thay! Hay thay! Này đại vương! Ta nói bốn núi tức là sự sinh, già, bệnh, chết của chúng sinh. Sinh, già, bệnh, chết thường đến bức bách con người thì tại sao đại vương chẳng tu trì giới, bố thí?”. Vua bạch: “Thưa Thế Tôn! Trì giới, bố thí thì được những quả gì?”. Ta đáp: “Này đại vương! Ở trong hàng trời, người hưởng thọ nhiều hoan lạc”. Vua bạch: “Bạch Thế Tôn! Cây Ni-câu-đà có trì giới, bố thí cũng ở với hàng trời, người hưởng thụ an lạc chẳng?”. Ta nói: “Thưa đại vương! Cây Ni-câu-đà chẳng thể trì giới, tu hành bố thí. Như cây ấy có thể trì giới, bố thí thì hưởng thọ hoan lạc không khác hàng trời, người”. Đó gọi là phi dụ.

Sao gọi là tiên dụ? Trong kinh Ta nói, ví như có người tham đắm hoa đẹp, khi hái hoa bị nước cuốn trôi. Chúng sinh cũng vậy, tham đắm năm dục bị sinh, già, bệnh, chết cuốn trôi. Đó gọi là tiên dụ.

Sao gọi là hậu dụ? Như kinh Pháp Cú nói:

Chớ khinh ác nhỏ

Là không tai ương

*Giọt nước tuy nhỏ
Chậu lớn dần tràn.*

Đó gọi là hậu dụ.

Sao gọi là tiên hậu dụ? Ví như cây chuối ra trái thì chết. Người ngu được lợi dưỡng cũng như vậy, như con la mang thai thì sinh mạng chẳng an toàn lâu.

Sao gọi là biến dụ? Như trong kinh nói, trời Tam Thập Tam có cây Ba-lợi-chất-đa, rễ của nó ăn sâu vào trong đất đến năm do-tuần, cao đến hàng trăm do-tuần, cành lá trải rộng bốn phía đến năm mươi do-tuần. Lá chín thì vàng, chư Thiên thấy rồi lòng sinh hoan hỷ, vì lá này chẳng bao lâu ắt rơi rụng. Lá ấy đã rơi rụng thì chư Thiên lại sinh hoan hỷ, vì cành cây này chẳng bao lâu ắt đổi sắc. Cành đã đổi sắc chư Thiên lại sinh hoan hỷ, vì sắc này chẳng bao lâu sẽ sinh nụ. Chư Thiên thấy rồi lại sinh hoan hỷ, vì nụ này chẳng bao lâu ắt sẽ sinh búp. Chư Thiên thấy rồi lại mừng, vì búp này chẳng bao lâu ắt sẽ nở ra, mà khi nó nở ra thì hơi thơm lan cùng khắp năm mươi do-tuần, ánh sáng chiếu xa đến tám mươi do-tuần. Bấy giờ là thời gian ba tháng mùa hạ, chư Thiên ở dưới cây này hưởng thụ hoan lạc. Đây thiện nam! Các đệ tử của Ta cũng như vậy, màu lá vàng là dụ cho ý muốn xuất gia của đệ tử Ta. Lá ấy rụng là dụ cho đệ tử của Ta cạo bỏ râu tóc. Sắc ấy biến đổi là dụ cho đệ tử của Ta bạch tứ yết-ma, thọ giới Cụ túc. Nụ mới sinh là dụ cho đệ tử của Ta mới phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Búp là dụ cho Bồ-tát Thập Trụ thấy được Phật tánh. Nở ra là dụ cho Bồ-tát chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hương thơm là dụ cho vô lượng chúng sinh ở mười phương thọ trì giới cấm. Ánh sáng là dụ cho danh hiệu của Như Lai cùng khắp mười phương không ngăn ngại. Ba tháng hạ là dụ cho Tam-muội. Trời Tam Thập Tam hưởng thụ hoan lạc là dụ cho các Đức Phật tại Đại Niết-bàn được thưởng, lạc, ngã, tịnh. Đó gọi là biến dụ.

Này thiện nam! Phạm việc dẫn dụ thì chẳng nhất định phải lấy hết mà hoặc lấy một phần ít, hoặc lấy phần nhiều, hoặc lại lấy toàn phần. Như nói, mặt Như Lai như trăng tròn thì đó gọi là phần ít. Đây

thiện nam! Ví như có người, đầu tiên chẳng thấy sữa mà hỏi người khác, sữa là loại gì? Người kia đáp: “Như nước, mật và vỏ sò”. Nước thì tướng ẩm ướt, mật thì tướng ngọt, vỏ sò thì tướng màu. Tuy dẫn ba dụ nhưng chưa là sữa thật. Đây thiện nam! Ta nói ví dụ đèn để dụ cho chúng sinh cũng như vậy. Đây thiện nam! Rời khỏi nước thì không có sóng, chúng sinh cũng vậy, lìa khỏi năm ấm rồi không có chúng sinh riêng khác. Đây thiện nam! Như tách rời thùng xe, bánh xe, nan hoa gọng xe, trục xe, vành xe thì lại không có cái xe riêng biệt, chúng sinh cũng vậy. Đây thiện nam! Nếu muốn hợp cái ví dụ đèn với pháp thì ông hãy lắng nghe, Ta nay sẽ vì ông giảng nói. Tim đèn là dụ cho hai mươi lăm cõi, dầu là dụ cho ái, ánh sáng dụ cho trí tuệ, phá trừ đen tối là dụ cho phá vô minh, hơi ấm dụ cho Thánh đạo. Như đèn hết dầu thì ánh sáng diệt, chúng sinh hết ái thì thấy Phật tánh. Tuy có danh sắc nhưng chẳng thể trói buộc. Tuy lại ở tại hai mươi lăm cõi nhưng chẳng bị các hữu làm nhiễm ô.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Năm ấm của chúng sinh rộng không, không sở hữu thì ai thọ giáo tu tập đạo?

Đức Phật dạy:

–Đây thiện nam! Tất cả chúng sinh đều có tâm niệm, tâm tuệ, tâm phát khởi, tâm tinh tấn, tâm tín, tâm định. Những tâm như vậy tuy từng niệm từng niệm sinh diệt nhưng giống như cũ, tương tự nối tiếp nhau, chẳng đoạn dứt nên gọi là tu đạo.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Những pháp như vậy từng niệm từng niệm đều diệt. Từng niệm từng niệm diệt này cũng tương tự nối tiếp nhau thì làm sao tu tập?

Đức Phật dạy:

–Đây thiện nam! Đèn tuy từng niệm từng niệm diệt mà có ánh sáng phá trừ tối tăm. Các pháp từng niệm từng niệm diệt cũng như vậy. Đây thiện nam! Như chúng sinh ăn, tuy từng niệm từng niệm diệt nhưng cũng khiến cho người đói được no. Ví như thuốc tốt nhất tuy từng niệm từng niệm diệt nhưng cũng có thể làm khỏi bệnh. Ánh

sáng mặt trời, mặt trăng tuy từng niệm từng niệm diệt nhưng cũng có thể làm tăng trưởng rừng cây, thảo mộc. Nay thiện nam! Ông nói, từng niệm từng niệm diệt thì làm sao tăng trưởng? Thì tâm chẳng đoạn nên gọi là tăng trưởng. Nay thiện nam! Ví như người đọc sách, việc đọc chữ câu chẳng được cùng một lúc, trước chẳng đến giữa, giữa chẳng đến sau. Người đọc cùng chữ và cả tâm tưởng đều từng niệm từng niệm diệt, nhưng do rèn luyện lâu nên được thông suốt. Nay thiện nam! Ví như người thợ vàng, từ lúc mới tập cho đến lúc bạc đầu, tuy từng niệm từng niệm diệt trước chẳng đến sau, nhưng do tích tập nên việc làm trở nên tinh xảo. Vậy nên được xưng là thợ vàng khéo tay. Đọc tụng kinh sách cũng như vậy. Nay thiện nam! Ví như hạt giống, đất cũng chẳng dạy nó: “Người phải nảy mầm”, nhưng do tánh của pháp nên mầm tự sinh ra. Cho đến hoa, đất cũng chẳng dạy: “Người phải kết trái”, nhưng do tánh của pháp nên trái tự sinh ra. Chúng sinh tu đạo cũng như vậy. Nay thiện nam! Ví như phép tính, một chẳng đến hai, hai chẳng đến ba, tuy niệm niệm diệt mà đến ngàn vạn. Chúng sinh tu đạo cũng như vậy. Nay thiện nam! Đèn từng niệm từng niệm diệt, ánh sáng mới diệt chẳng bảo ánh sáng sau rằng: “Ta diệt, người sinh ra phải phá các tối tăm”. Nay thiện nam! Ví như con nghé sinh ra liền tìm sữa. Trí tìm sữa thật không có người dạy, tuy từng niệm từng niệm diệt mà ban đầu đói, về sau no. Vậy nên phải biết chẳng tương tự. Nếu tương tự thì chẳng sinh khác. Chúng sinh tu đạo cũng như vậy, ban đầu tuy chưa tăng trưởng nhưng do tu lâu nên có thể phá hoại tất cả phiền não.

Bồ-tát Sư Tử Hồng nói:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, hàng Tu-đà-hoàn được quả chứng rồi, tuy sinh vào đất nước ác nhưng còn cố giữ giới, chẳng sát sinh, trộm cắp, dâm dục, lưỡng thiệt, uống rượu thì ấm của Tu-đà-hoàn liền ở chỗ này diệt, chẳng đến đất nước ác. Tu đạo cũng vậy, chẳng đến đất nước ác. Nếu tương tự thì vì sao chẳng sinh đến đất nước thanh tịnh vi diệu? Nếu ấm của đất nước ác chẳng phải là ấm của Tu-đà-hoàn thì làm sao mà chẳng tạo tác nghiệp ác?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Người Tu-đà-hoàn tuy sinh ở nước ác nhưng nhất định chẳng mất danh xưng là Tu-đà-hoàn và ấm chẳng tương tự nên ta dẫn con nghé làm ví dụ. Người Tu-đà-hoàn tuy sinh ở nước ác nhưng do đạo lực nên chẳng tạo tác nghiệp ác. Này thiện nam! Ví như núi Hương có sư tử chúa, nên tất cả loài chim bay, thú chạy tuyệt tích ở núi này, chẳng dám đến gần. Có lúc sư tử chúa này đến trong núi Tuyết nhưng tất cả loài chim thú vẫn chẳng dám ở. Người Tu-đà-hoàn cũng như vậy, tuy chẳng tu đạo nhưng do đạo lực nên chẳng làm ác. Này thiện nam! Ví như có người ăn uống cam lồ, cam lồ tuy diệt nhưng nhờ thế lực của nó nên khiến cho người này chẳng sinh, chẳng chết. Này thiện nam! Như núi Tu-di có thuốc thượng diệu tên là Lãng-già-lợi, có người uống nó, tuy từng niệm từng niệm diệt nhưng do được lực nên chẳng gặp hoạn khổ. Này thiện nam! Như chỗ ngôi của vua Chuyển luân, tuy nhà vua chẳng ở tại đó nhưng không ai dám gần. Vì sao? Vì uy lực của nhà vua. Người Tu-đà-hoàn cũng như vậy, tuy sinh ở nước ác, chẳng tu tập đạo nhưng do đạo lực nên chẳng làm nghiệp ác. Này thiện nam! Ấm của người Tu-đà-hoàn ở đây mà diệt thì tuy sinh ra ấm khác chẳng mất ấm của Tu-đà-hoàn. Này thiện nam! Ví như chúng sinh vì quả trái nên đối với hạt giống đã làm nhiều việc như bón phân, tưới nước. Chưa được quả trái mà hạt lại diệt và cũng được gọi là nhân hạt được quả. Ấm của Tu-đà-hoàn cũng như vậy. Này thiện nam! Ví như có người của cải giàu to chỉ có một người con mà đã chết trước, người con ấy có con nhưng lại ở nước khác. Người nhà giàu ấy bỗng nhiên qua đời, người cháu nghe tin này đã trở về thu lấy sản nghiệp. Tuy biết của cải chẳng phải là của người ấy làm ra, nhưng người ấy thâu lấy không ai ngăn giữ. Vì sao? Vì do cùng một họ. Ấm của Tu-đà-hoàn cũng như vậy.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Như bài kệ Đức Phật đã nói:

Tỳ-kheo nếu tu tập

Ba giới, định và trí tuệ

Phải biết là chẳng thoái

Gần gũi Đại Niết-bàn..

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là tu giới? Sao gọi là tu định? Sao gọi là tu tuệ?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu có người thọ trì giới cấm chỉ vì tự lợi, làm người trời thọ hưởng an vui, chẳng vì độ thoát tất cả chúng sinh, chẳng vì hộ trì chánh pháp vô thượng, chỉ vì lợi dưỡng, sợ ba đường ác, vì sắc đẹp, sức lực, vì sự sống, vì an ổn, vì tự do biện tài, vì sợ vương pháp, danh xấu, tiếng dơ, vì sự nghiệp thế gian, hộ trì giới như vậy thì chẳng được gọi là tu tập giới. Này thiện nam! Sao gọi là tu tập giới chân thật? Khi thọ trì giới, nếu vì độ thoát tất cả chúng sinh, vì hộ trì chánh pháp, vì độ người chưa độ, giải thoát kẻ chưa giải thoát, đưa về người chưa về, người chưa vào Niết-bàn khiến cho vào và khi tu như vậy chẳng thấy giới, chẳng thấy tướng của giới, chẳng thấy người trì giới, chẳng thấy quả báo, chẳng quan sát kẻ hủy phạm, thì này thiện nam! Như vậy gọi là tu tập giới.

Sao gọi là tu tập Tam-muội? Khi tu Tam-muội mà vì tự độ, vì lợi dưỡng, chẳng vì chúng sinh, chẳng vì hộ pháp, vì thấy tội lỗi tham dục, ăn uống v.v... vì thấy các căn nam nữ, chín lỗ bất tịnh, vì đấu tranh, kiện tụng, đánh đâm, sát hại lẫn nhau, nếu vì những việc này mà tu Tam-muội thì đó chẳng gọi là tu tập Tam-muội. Này thiện nam! Sao gọi là tu tập Tam-muội chân thật? Nếu vì chúng sinh tu tập Tam-muội, ở trong chúng sinh có tâm bình đẳng, vì khiến cho chúng sinh được pháp bất thoái, vì khiến cho chúng sinh được tâm của Thánh, vì khiến cho chúng sinh được Đại thừa, vì muốn hộ trì pháp vô thượng, vì khiến cho chúng sinh chẳng thoái tâm Bồ-đề, vì khiến cho chúng sinh được Thủ-lăng-nghiêm, vì khiến cho chúng sinh được Tam-muội kim cương, vì khiến cho chúng sinh được Đà-la-ni, vì khiến cho chúng sinh được Bốn vô ngại, vì khiến cho chúng sinh được thấy Phật tánh, khi làm hạnh này chẳng thấy Tam-muội, chẳng thấy tướng Tam-muội, chẳng thấy người tu, chẳng thấy quả báo, thì này thiện nam, đó gọi là tu tập Tam-muội.

Sao gọi là tu trí tuệ? Nếu có người suy nghĩ: “Ta nếu tu tập trí

tuệ như vậy thì được giải thoát, qua khỏi ba đường ác. Ai có thể làm lợi ích cho tất cả chúng sinh? Ai có thể độ người nơi đường sinh tử? Phật ra đời khó như hoa Ưu-đàm, ta nay có thể đoạn các kết phiền não, nhất định được giải thoát. Vậy nên ta phải siêng tu trí tuệ, mau chóng đoạn phiền não, sớm được độ thoát” thì người tu như vậy chẳng được gọi là tu trí tuệ. Sao gọi là người tu tập trí tuệ chân thật? Nếu người đó quan sát khổ sinh già chết, tất cả chúng sinh bị vô minh che phủ, chẳng biết tu tập đạo vô thượng chân chính mà phát nguyện: “Ta nguyện đem thân này thay cho chúng sinh thọ khổ não lớn. Tâm bền cùng, hạ tiện, phá giới và nghiệp tham, sân, si sẵn có của chúng sinh, nguyện gom hết về thân ta. Nguyện các chúng sinh chẳng sinh ra tham đắm, chẳng bị sự trói buộc của danh sắc. Nguyện cho các chúng sinh sớm qua khỏi sinh tử, khiến cho ta ở đó một mình mà chẳng chán. Nguyện cho tất cả đều được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác” và khi tu như vậy, hành giả chẳng thấy trí tuệ, chẳng thấy tướng của trí tuệ, chẳng thấy người tu, chẳng thấy quả báo, thì đó gọi là tu tập trí tuệ.

Này thiện nam! Tu tập giới, định, tuệ như vậy thì đó gọi là Bồ-tát. Chẳng thể tu tập giới, định, tuệ như vậy thì đó gọi là Thanh văn.

Lại nữa, này thiện nam! Sao gọi là tu tập giới? Đó là có thể phá hoại mười sáu luật nghi ác của tất cả chúng sinh. Những gì là mười sáu? Một là vì lợi mà nuôi dê con cho béo rồi đem bán. Hai là vì lợi mà mua nó về giết mổ. Ba là vì lợi mà nuôi dưỡng heo cho béo rồi đem bán. Bốn là vì lợi mua nó về giết mổ. Năm là vì lợi mà nuôi dưỡng nghé cho béo rồi đem bán. Sáu là vì lợi mua nó về giết mổ. Bảy là vì lợi nuôi gà cho mập béo rồi đem bán. Tám là vì lợi mua nó về giết mổ. Chín là câu cá. Mười là làm thợ săn. Mười một là cướp đoạt. Mười hai là làm kẻ đầu nậu bán thịt. Mười ba là giăng lưới bắt loài chim bay. Mười bốn là nói hai lưỡi. Mười lăm là làm ngục tốt. Mười sáu là nguyện rửa loài rồng. Nếu hành giả có thể vì chúng sinh đoạn trừ vĩnh viễn mười sáu nghiệp ác như vậy thì đó gọi là tu giới.

Sao gọi là tu định? Nếu có thể đoạn tất cả Tam-muội của thế gian, như là Tam-muội vô thân, có thể khiến cho chúng sinh sinh tâm điên đảo cho là Niết-bàn. Lại như là Tam-muội vô biên, Tam-muội

tịnh tu, Tam-muội thế biên, Tam-muội thế đoạn, Tam-muội thế tính, Tam-muội thế tướng phu, Tam-muội phi tướng phi phi tướng. Những định như vậy có thể khiến cho chúng sinh sinh tâm điên đảo cho là Niết-bàn. Nếu có thể đoạn trừ vĩnh viễn những Tam-muội như vậy thì đó gọi là tu tập Tam-muội.

Sao gọi là tu tập trí tuệ? Là có thể phá hết hết ác kiến của thế gian. Tất cả chúng sinh đều có ác kiến, như gọi sắc tức là ngã cũng là ngã sở, trong sắc có ngã trong ngã có sắc cho đến thức cũng như vậy, sắc tức là ngã mà sắc diệt ngã tồn tại, sắc tức là ngã mà sắc diệt ngã diệt. Lại có người nói, tác giả gọi là ngã, người thọ nhận gọi là sắc. Lại có người nói, tác giả gọi là sắc, người thọ nhận gọi là ngã. Lại có người nói, không làm, không thọ tự sinh, tự sinh đều chẳng phải là nhân duyên. Lại có người nói không tác, không thọ mà đều là do tự tại tạo. Lại có người nói, không có người làm, không có người thọ, tất cả đều là sự tạo tác của thời tiết. Lại có người nói, tác giả thọ giả đều không sở hữu, địa, thủy, hỏa, phong, không, năm đại gọi là chúng sinh. Nay thiện nam! Nếu có thể phá hoại tất cả những ác kiến như vậy của chúng sinh thì đó gọi là tu tập trí tuệ.

Nay thiện nam! Tu tập giới là vì thân tịch tĩnh. Tu tập Tam-muội là vì tâm tịch tĩnh. Tu tập trí tuệ là vì phá hoại tâm nghi hoặc. Hủy hoại tâm nghi hoặc là vì tu tập đạo. Tu tập đạo là để thấy Phật tánh. Thấy Phật tánh là được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là để được Đại Niết-bàn vô thượng. Được Đại Niết-bàn là để đoạn trừ tất cả sinh tử, tất cả phiền não, tất cả các hữu, tất cả các giới, tất cả các đế của chúng sinh. Đoạn trừ được sinh tử... cho đến đoạn các đế là được pháp thường, lạc, ngã, tịnh.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, nếu chẳng sinh diệt thì gọi là Đại Niết-bàn. Sinh cũng như vậy, chẳng sinh chẳng diệt thì vì sao chẳng được gọi là Niết-bàn?

–Nay thiện nam! Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như lời ông nói! Sinh này tuy lại chẳng sinh, chẳng diệt mà có đầu có cuối.

–Thưa Thế Tôn! Pháp sinh tử này cũng không đầu cuối. Nếu nó không đầu cuối thì gọi là thường, mà thường tức là Niết-bàn thì vì sao chẳng gọi sinh tử là Niết-bàn?

–Này thiện nam! Pháp sinh tử này đều có nhân quả, mà có nhân quả nên chẳng được gọi là Niết-bàn. Vì sao? Vì thể của Niết-bàn không có nhân quả.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Luận về Niết-bàn thì cũng có nhân quả, như lời Phật nói:

*Từ nhân nên sinh thiên
 Từ nhân rời đường ác
 Từ nhân nên Niết-bàn
 Vậy nên đều có nhân.*

Như thuở trước, Phật bảo các Tỳ-kheo: “Ta nay sẽ nói về đạo quả Sa-môn!”. Nói Sa-môn là gọi người có thể tu đủ giới, định, tuệ. Đạo là gọi tám thánh đạo. Quả Sa-môn là gọi Niết-bàn. Thưa Thế Tôn! Niết-bàn như vậy chẳng phải là quả sao? Sao Phật nói, thể của Niết-bàn không nhân, không quả?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nhân của Niết-bàn mà Ta đã nói gọi là Phật tánh. Nhưng tánh của Phật tánh chẳng sinh ra Niết-bàn, nên Ta nói, Niết-bàn không nhân, có thể phá hoại phiền não nên gọi là đại quả, chẳng từ đạo sinh ra nên gọi là không quả. Vậy nên Niết-bàn không nhân, không quả.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Phật tánh của chúng sinh là đều chung hay là mỗi mỗi có riêng? Nếu là chung thì một người khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì tất cả chúng sinh đáng lẽ cũng đồng được hết. Thưa Thế Tôn! Như hai mươi người đồng có một kẻ oán, nếu một người có thể diệt trừ thì mười chín người còn lại đều cũng diệt trừ. Phật tánh nếu vậy thì khi một người được thì những người còn lại đáng lẽ cũng được. Nếu mỗi mỗi đều có riêng tức là vô thường. Vì sao? Vì có thể tính toán. Nhưng lời Phật nói, chúng sinh

Phật tánh chẳng một, chẳng hai. Nếu mỗi mỗi đều có riêng thì chẳng nên nói các Đức Phật bình đẳng. Cũng chẳng nên nói Phật tánh như hư không.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Phật tánh của chúng sinh chẳng một, chẳng hai, các Đức Phật bình đẳng giống như hư không, tất cả chúng sinh đồng có chung Phật tánh đó. Nếu có người có thể tu tám Thánh đạo thì phải biết người này đã được thấy rõ. Này thiện nam! Núi Tuyết có thứ cỏ tên là Nhẫn nhục. Nếu bò ăn cỏ đó thì thành đê hồ, Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Như lời Phật nói, cỏ Nhẫn nhục là một hay nhiều vậy? Như cỏ ấy một thì bò ăn hết. Như cỏ ấy nhiều thì làm sao mà nói rằng, Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy được? Như lời Phật nói, nếu có người tu tập tám Thánh đạo thì thấy Phật tánh, nghĩa này chẳng phải vậy. Vì sao? Vì nếu đạo là một như cỏ Nhẫn nhục thì đáng lẽ phải hết. Như đạo ấy có hết thì một người tu rồi, những kẻ còn lại không có phần. Đạo nếu nhiều thì làm sao nói là tu tập đầy đủ, cũng chẳng được gọi là Nhất thiết chủng trí?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Như đường đi bằng phẳng. Tất cả chúng sinh đều đi ở trong đó không chướng ngại gì. Giữa đường có cây tỏa bóng mát mẻ. Người đi đường dừng xe ngựa nghỉ ngơi ở dưới bóng cây. Nhưng bóng cây ấy thường trụ chẳng dời, cũng chẳng tiêu hoại, không giữ người đi. Đường đi dụ cho Thánh đạo, cây dụ cho Phật tánh. Này thiện nam! Ví như ngôi thành lớn có một cửa, tuy có nhiều người vào ra qua đó mà không ai có thể làm chướng ngại, cũng lại không có người phá hủy mà mang đi theo. Này thiện nam! Ví như cây cầu, người đi ngang qua đó cũng không có người ngăn chặn làm trở ngại, hủy hoại đem đi. Này thiện nam! Ví như vị lương y trị liệu mọi thứ bệnh, cũng không ai có thể ngăn chặn vị lương y này trị người này bỏ người kia. Thánh đạo Phật tánh cũng như vậy.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Các ví dụ đã dẫn ý nghĩa chẳng như vậy. Vì sao? Vì người trước ở tại đường thì người sau bị trở ngại thì làm sao mà nói không có chướng ngại được. Các ví dụ còn lại cũng đều như vậy. Thánh đạo Phật tánh nếu như vậy thì khi một người tu thì làm cản trở những người còn lại.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Như lời ông nói thì nghĩa chẳng thích hợp. Con đường mà Ta thí dụ là thiếu phần dụ, chẳng phải tất cả. Này thiện nam! Con đường của thế gian thì có chướng ngại, đây, đó khác biệt, không có bằng phẳng. Con đường vô lậu thì chẳng như vậy, có thể khiến cho chúng sinh không có chướng ngại, bình đẳng không hai, không có địa phương, đây, kia khác biệt. Chánh đạo như vậy có thể vì Phật tánh của tất cả chúng sinh mà làm liễu nhân, chẳng làm sinh nhân giống như đèn sáng soi rõ được vật. Này thiện nam! Tất cả chúng sinh đều đồng vô minh làm duyên cho hành nên chẳng thể nói rằng, một người vô minh làm nhân duyên cho hành rồi thì những người còn lại không có. Tất cả chúng sinh đều có vô minh làm nhân duyên cho hành. Vậy nên nói rằng, mười hai nhân duyên tất cả bình đẳng. Việc tu chánh đạo vô lậu của chúng sinh cũng như vậy, đều đoạn tuyệt phiền não của chúng sinh, các cõi hữu lậu của bốn loài. Do nghĩa này nên gọi là bình đẳng. Người có chứng đắc thì sự thấy biết đó, đây không có chướng ngại. Vậy nên được gọi là Nhất thiết trí.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thân của tất cả chúng sinh chẳng cùng một chủng loại, hoặc có thân trời, hoặc có thân người, thân súc sinh, thân ngã quỷ, thân địa ngục. Như vậy là nhiều thân sai khác, chẳng phải là một thì làm sao mà nói rằng, Phật tánh là một?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ví như có người bỏ độc vào trong sữa thì cho đến đê hồ đều có độc. Sữa chẳng gọi là sữa đặc, sữa đặc chẳng gọi là sữa cho đến đê hồ cũng như vậy, danh tự tuy biến đổi nhưng tánh độc chẳng mất mà ở khắp trong năm vị đều như vậy. Nếu uống đê

hồ đó cũng có thể chết người mà thật ra chẳng bỏ độc ở trong đê hồ. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy, tuy chúng sinh năm đường thọ thân khác biệt mà Phật tánh này thường một không biến đổi.

Bồ-tát Sư Tử Hồng bạch:

–Bạch Thế Tôn! Mười sáu nước lớn, có sáu thành lớn như là: thành Xá-bà-đề, thành Bà-chỉ-đa, thành Chiêm-bà, thành Tỳ-xá-ly, thành Ba-la-nại, thành Vương-xá. Sáu thành như vậy rất lớn trong đời vì sao Như Lai bỏ hết mà ở tại ngôi thành nhỏ Câu-thi-na nơi vùng biên địa xấu xí nhỏ hẹp này để vào Niết-bàn?

–Này thiện nam! Ông chẳng nên nói rằng, thành Câu-thi-na là nơi biên địa xấu xí chật hẹp mà nên nói rằng, thành này được trang nghiêm công đức vi diệu. Vì sao? Vì là chỗ tới lui của chư Phật, Bồ-tát. Này thiện nam! Ví như nhà người hèn mọn mà nếu vua ghé qua thì nên khen ngợi là nhà này nghiêm lệ, thành tựu phước đức mới khiến cho đại vương chiếu cố giá lâm. Này thiện nam! Như người bệnh nặng uống thuốc dở xấu mà uống xong thì bệnh khỏi liền nên vui mừng, khen ngợi là thuốc tối thượng, tối diệu có thể trị khỏi bệnh của mình. Này thiện nam! Như người đi thuyền ở trong biển lớn, thuyền ấy bỗng nhiên hư hoại, không có gì nương tựa nhân nhờ vào thấy chết mà được đến bờ kia. Đến bờ kia rồi, người ấy rất vui mừng khen ngợi thầy chết này rằng: “Ta nhờ gặp được người mà được yên ổn”. Thành Câu-thi-na cũng như vậy, nơi đó mới chính là chỗ tới lui của chư Phật, Bồ-tát thì làm sao mà nói rằng, thành nhỏ nơi biên địa xấu xí chật hẹp được? Này thiện nam! Ta nhớ thuở xa xưa qua hằng hà sa số kiếp, có kiếp tên là Thiện Giác, có vị Thánh vương họ Kiền-thi-ca, bầy báu thành tựu, ngàn đứa con đầy đủ. Vị vua ấy, người đầu tiên tạo lập ngôi thành này, giáp vòng ngang dọc mười hai do-tuần, đất trang nghiêm bằng bảy báu, có nhiều dòng sông nước trong sạch, ngon ngọt, êm đềm. Đó là sông Ni-liên-thiên, sông Y-la-bạt-đề, sông Hy-liên-thiên, sông Y-sư-mạt-đề, sông Tỳ-bà-xá-na v.v... Những sông như vậy có đến năm trăm dòng. Bờ của những con sông này cây cối rậm rạp, hoa trái tươi tốt. Bấy giờ thọ mạng của dân chúng vô lượng, lúc vị Chuyển luân Thánh vương qua tuổi một trăm rồi thì tuyên bố: “Như lời Phật nói, tất cả các pháp đều vô

thường, nếu ai có thể tu tập mười pháp thiện thì có thể đoạn trừ đại khổ vô thường như vậy”. Dân chúng nghe rồi cùng tu theo mười pháp thiện. Bấy giờ, ta nghe danh hiệu Đức Phật, thọ trì mười pháp thiện, suy nghĩ tu tập, mới phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Phát tâm này rồi, ta lại đem pháp này dạy lại cho vô lượng vô biên chúng sinh, nói rằng, tất cả pháp vô thường, biến hoại. Vậy nên ta hôm nay tiếp tục ở chỗ này cũng nói về các pháp vô thường biến hoại, chỉ nói rằng, thân Phật là pháp thường trụ. Ta nhớ nhân duyên đã làm thuở xa xưa nên hôm nay đến tại đây mà nhập Niết-bàn và cũng muốn báo đáp ơn xưa của đất này. Do nghĩa này nên trong kinh này ta nói rằng, quyến thuộc của ta thọ ân có thể báo đáp. Lại nữa, này thiện nam! Thuở xưa, khi chúng sinh thọ mạng vô lượng, bấy giờ thành này tên là Câu-xá-bạt-đề, giáp vòng ngang dọc năm mươi do-tuần, cư dân cõi Diêm-phù-đề sống gần gũi tiếp giáp nhau gà bay đến được, có vị vua Chuyển luân tên là Thiện Kiến, bảy báu thành tựu, ngàn người con đầy đủ, làm vua bốn thiên hạ. Vị thái tử thứ nhất tư duy về chánh pháp được thành Phật-bích-chi. Vua Chuyển luân thấy vị thái tử ấy thành Phật-bích-chi với oai nghi mực thước, thần thông hiếm có. Thấy việc này rồi, ông liền bỏ ngôi vua như bỏ bãi nước bọt, xuất gia ở tại vùng Ta-la song thọ này, trong tám vạn năm tu tập tâm từ, tâm bi, tâm hỷ, tâm xả mỗi pháp tám vạn năm. Này thiện nam! Ông muốn biết Thánh vương Thiện Kiến bấy giờ? Chính là thân Ta đó. Vậy nên Ta nay thường tu tập bốn pháp như vậy. Bốn pháp này gọi là Tam-muội. Do nghĩa này nên thân Như Lai thường, lạc, ngã, tịnh. Này thiện nam! Do nhân duyên này nên hôm nay Ta đến tại vùng Ta-la song thọ của thành Câu-thi-na này mà Tam-muội chánh thọ. Này thiện nam! Ta nhớ thuở xa xưa qua vô lượng kiếp, thành này bấy giờ tên là Ca-tỳ-la-vệ. Thành ấy có vị vua tên là Bạch Phạm. Phu nhân của vua ấy tên là Ma-da. Nhà vua có một người con tên là Tất-đạt-đa. Bấy giờ, vị Vương tử chẳng do thầy dạy, tự nhiên tư duy mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có hai vị đệ tử: một tên là Xá-lợi-phất, hai tên là Mục-kiền-liên và người đệ tử hầu hạ tên là A-nan. Lúc ấy, Đức Thế Tôn ở tại vùng Ta-la song thọ diễn nói kinh Đại Niết-bàn như vậy. Ta khi đó ở tại pháp

hội được dự việc ấy, nghe nói các chúng sinh đều có Phật tánh. Nghe điều này rồi, Ta liền đối với Bồ-đề được Bất thoái chuyển, liền tự phát nguyện: “Nguyện vào đời vị lai, khi thành Phật thì cha mẹ, đất nước, tên họ, đệ tử, người thị giả, nói pháp, giáo hóa v.v... đều như Đức Thế Tôn hôm nay, không có khác”. Do nhân duyên này nên hôm nay Ta đến tại đây tuyên dương diễn nói kinh Đại Niết-bàn.

Này thiện nam! Khi Ta mới xuất gia chưa được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vua Tần-bà-ta-la sai sứ đến nói: “Thưa Thái tử Tất Đạt! Nếu Ngài làm Thánh vương thì tôi sẽ thần phục. Nếu Ngài chẳng ưa ngôi vua, xuất gia đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì nguyện xin Ngài đi đến thành Vương-xá này trước để nói pháp độ người, thọ sự cúng dường của tôi”. Ta mặc nhiên nhận lời mời của vị vua đó.

Này thiện nam! Khi Ta mới được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Ta đã hưởng về nước Kiệt-xà, khi ấy ở dòng sông Ni-liên-thiên, có vị Bà-la-môn dòng họ Ca-diếp cùng với năm trăm đệ tử ở bên dòng sông đó, cầu đạo vô thượng. Ta vì người này nên đến nói pháp. Ca-diếp nói: “Này Ngài Cù-đàm! Tôi nay tuổi đã hơn một trăm hai mươi. Muôn dân trong nước Ma-già-đà và đại vương Tần-bà-ta-la của nước ấy đều cho là tôi đã chứng quả La-hán. Tôi nay nếu ở trước ông nghe thọ pháp thì tất cả dân chúng sinh lòng điên đảo nghĩ rằng: “Đại đức Ca-diếp chẳng phải là La-hán sao?”. Xin Ngài Cù-đàm mau chóng đi đến chỗ khác. Nếu dân chúng ở đây biết chắc là công đức của Ngài Cù-đàm hơn tôi thì chúng tôi không được họ cúng dường nữa”. Ta đáp: “Này Ca-diếp! Nếu ông đối với Ta chẳng sinh sân hận sâu nặng thì hãy cho Ta nghỉ lại một đêm, sáng mai sẽ đi sớm”. Ca-diếp nói: “Này Ngài Cù-đàm! Lòng tôi không có gì khác mà rất thương kính, nhưng vì chỗ ở của tôi có một con độc long tánh khí hung dữ, sợ làm nguy hại Ngài mà thôi”. Ta nói: “Này Ca-diếp! Độc trong các độc chẳng gì hơn ba độc mà Ta nay đã đoạn trừ thì độc của thế gian Ta chẳng sợ gì”. Ca-diếp lại nói: “Nếu ông chẳng sợ thì hay lắm. Xin mời ông ở lại”. Này thiện nam! Ta vào lúc ấy cố vì Ca-diếp thị hiện mười tám sự biến hóa, như trong kinh đã nói. Bấy giờ, Ca-diếp và năm trăm quyến thuộc của ông ấy đã thấy

nghe thế rồi chứng quả La-hán. Lúc đó, Ca-diếp lại có hai người em, một người tên là Già-da Ca-diếp, hai tên là Na-đề Ca-diếp. Thầy trò quyến thuộc lại có năm trăm người, cũng đều chứng được quả A-la-hán. Đồ chúng của Lục sư trong thành Vương-xá nghe việc này rồi liền đối với Ta sinh lòng đại ác. Khi ta nhận lời mời thỉnh của vua đến thành Vương-xá, chưa đến giữa đường thì nhà vua cùng với vô lượng trăm ngàn chúng đều đến phụng nghinh. Ta vì họ nói pháp. Nghe pháp rồi thì tám vạn sáu ngàn chư Thiên nơi Dục giới phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Mười hai vạn người tháp tùng vua Tần-bà-ta-la đều được quả Tu-đà-hoàn. Vô lượng chúng sinh thành tựu tâm nhẫn. Đã vào thành rồi, Ta độ cho ông Xá-lợi-phất, ông Đại Mục-kiền-liên và hai trăm năm mươi người quyến thuộc của họ, khiến cho những người ấy bỏ tâm xưa, xuất gia học đạo. Ta liên trụ ở thành đó nhận sự cúng dường của nhà vua. Hạng Lục sư ngoại đạo cùng nhau tụ tập, đi đến thành Xá-vệ.

Trong thành đó có một ông trưởng giả tên là Tu-đạt-đa, nhân vì đi hỏi vợ cho con nên đến thành Vương-xá. Đã đến thành đó rồi, ông ở nhờ nhà của trưởng giả San-đàn-na. Ông trưởng giả này nửa đêm thức dậy bảo các quyến thuộc: “Các ông hãy dậy đi! Hãy mau chóng cùng nhau trang hoàng, quét dọn nhà cửa, bày biện đủ thức ăn ngon lành”. Tu-đạt-đa nghe rồi liền suy nghĩ: “Chẳng phải họ sắp muốn thỉnh vua Ma-già-đà sao? Hay là có lễ cưới hỏi vui vẻ?”. Suy nghĩ vậy rồi liền hỏi: “Thưa Đại sĩ! Ông muốn thỉnh đức vua nước Ma-già-đà là Tần-bà-ta-la chăng? Hay là có lễ cưới hỏi vui vẻ? Việc gì mà gấp gáp chẳng an đến như vậy?”. Ông trưởng giả đáp: “Chẳng phải vậy! Thưa Cư sĩ! Ngày mai tôi thỉnh Đức Phật, đấng Pháp Vương vô thượng!”. Ông trưởng giả Tu-đạt mới nghe đến danh hiệu Phật thì s름 tóc gáy, lại liền hỏi: “Sao gọi là Phật?”. Ông trưởng giả đáp: “Ông chẳng nghe sao? Ở thành Ca-tỳ-la có người con dòng họ Thích, tự là Tất-Đạt-Đa, dòng họ Cù-đàm, cha tên là Bạch Phạm. Vị ấy sinh chưa lâu, thầy tướng xem tướng quyết định Ngài sẽ làm Chuyển luân Thánh vương, như quả Am-la đã ở trong tay. Nếu tâm nguyện Ngài chẳng ưa mà bỏ đi xuất gia thì không thầy dạy bảo, tự giác ngộ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tận diệt tham,

sân, si, thường trụ không biến đổi, chẳng sinh, chẳng diệt, không có lo sợ, đối với các chúng sinh lòng Ngài bình đẳng, giống như cha mẹ đối với con một, đối với thân tâm mọi người, Ngài là tối thắng, tuy hơn tất cả mà không kiêu mạn, đối với hai việc: giúp đỡ, làm tổn hại Ngài không phân biệt, trí tuệ thông đạt, đối với pháp không ngại, đầy đủ mười lực, bốn vô sở úy, năm trí tam-muội, đại từ, đại bi và ba niệm xứ. Vậy nên hiệu là Phật. Sáng mai này Ngài nhận lời mời của tôi đến đây. Vậy nên vội vội vàng vàng chưa rảnh rỗi thăm hỏi nhau”. Tu-đạt-đa nói: “Hay thay! Hay thay! Thưa Đại sĩ! Đáng gọi là Phật công đức vô thượng nay ở chỗ nào?”. Ông trưởng giả đáp: “Nay ở tại đại thành Vương-xá này. Ngài đang trụ ở Tinh xá Trúc Lâm Ca-lan-đà”. Khi ấy, ông Tu-đạt-đa một lòng nghĩ đến công đức của Phật: Mười lực, bốn vô sở úy, năm trí tam-muội, đại từ, đại bi và ba niệm xứ. Khi khởi niệm này, ông bỗng nhiên thấy ánh sáng lớn. Ánh sáng ấy mạnh mẽ giống như mặt trời, ông liền tìm theo ánh sáng, ra đến dưới cửa thành. Nhờ thần lực của Phật nên cửa tự nhiên mở ra. Đã ra khỏi cửa rồi, trên đường đi có miếu thờ trời, ông Tu-đạt-đa đi qua lễ bái cung kính thì liền trở lại tối đen, lòng sinh kinh sợ, lại muốn quay trở về chỗ nghỉ. Ở cửa thành đó, có một vị thiên thần bảo ông Tu-đạt-đa: “Nếu ông đến chỗ của Đức Như Lai thì được nhiều lợi ích tốt đẹp”. Tu-đạt-đa nói: “Sao gọi là lợi ích tốt đẹp?”. Vị trời nói: “Này trưởng giả! Giả sử có người dùng châu báu kết thành trăm con tuần mã, trăm đầu hương tượng, trăm cỗ xe báu, đúc vàng làm người số ấy lại cả trăm, nữ nhân đoan chánh thân đeo chuỗi ngọc với mọi thứ báu xen lẫn, cung điện, nhà cửa thượng diệu, chạm khắc hoa văn, chậu vàng đựng gạo bạc, chậu bạc đựng gạo vàng, số ấy mỗi thứ một trăm đem thí cho một người. Cứ như vậy mà lần lượt thí cho hết người cõi Diêm-phù-đề thì công đức đạt được chẳng bằng có người phát tâm bước một bước đi đến chỗ Đức Như Lai”. Tu-đạt-đa nói: “Này thiện nam! Ông là ai vậy?”. Vị trời đáp: “Này trưởng giả! Ta là con của Bà-la-môn Thắng Tướng, là thiện tri thức của ông thuở xưa. Ta nhân ngày trước gặp được Tôn giả Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên, lòng sinh vui mừng nên khi xả thân được làm con của vua trời Tỳ-sa-môn phương Bắc, chuyên coi việc bảo vệ thành Vương-xá

này. Ta nhân lễ bái Tôn giả Xá-lợi-phất v.v... sinh lòng vui mừng mà còn được thân diêu bảo như vậy, huống gì là sẽ được diện kiến Đại sư Như Lai để lễ bái cúng dường”. Trưởng giả Tu-đạt-đa nghe việc này rồi liền quay trở lại đường đi đến chỗ của Ta. Đến nơi rồi, ông ấy đầu mặt kính lễ dưới chân Ta, Ta liền vì ông mà nói pháp. Ông trưởng giả nghe rồi đắc quả Tu-đà-hoàn, đã đắc quả chứng, lại thỉnh Ta: “Đức Như Lai đại từ! Cúi xin Như Lai chiếu cố quang lâm thành Xá-vệ thọ nhận sự cúng dường nhỏ nhoi của con”. Ta liền hỏi: “Thành Xá-vệ của ông đã có Tinh xá dung thọ chăng?”. Tu-đạt-đa đáp: “Nếu Đức Phật thương xót quyết định rủ lòng chiếu cố đến thì con sẽ tự hết sức kiến tạo thành lập”. Nay thiện nam! Bấy giờ, Ta mặc nhiên thọ thỉnh. Ông trưởng giả Tu-đạt-đa đã được hứa rồi liền bạch với Ta: “Con từ xưa đến nay chưa làm việc ấy! Cúi xin Như Lai sai Tôn giả Xá-lợi-phất chỉ dẫn cách thức cho con”. Ta liền ra lệnh bảo Tôn giả Xá-lợi-phất đi giúp đỡ xây dựng. Tôn giả Xá-lợi-phất cùng ông Tu-đạt-đa ngồi chung một xe, đi đến thành Xá-vệ. Nhờ thần lực của Ta nên trải qua một ngày đêm đã đến nơi, ông Tu-đạt-đa bạch Tôn giả Xá-lợi-phất: “Thưa Đại đức! Ở bên ngoài thành này, chỗ nào có đất chẳng gân, chẳng xa, lắm suối nhiều ao, có rừng cây đẹp, hoa quả sum suê, thanh tịnh, trống vắng, khoáng dãng thì ở nơi đó con sẽ vì Phật Thế Tôn và Tỳ-kheo Tăng mà tạo lập Tinh xá?”. Tôn giả Xá-lợi-phất nói: “Có vườn cây ông Kỳ-đà là chẳng gân, chẳng xa, thanh tịnh tịch tịch, có nhiều dòng suối, cây cối, hoa trái theo mùa mà có. Chỗ này thích hợp nhất có thể tạo lập Tinh xá”. Ông Tu-đạt-đa nghe lời nói này rồi liền đến chỗ của trưởng giả Kỳ-đà, nói với ông Kỳ-đà: “Nay tôi muốn vì đấng Pháp Vương vô thượng tạo lập tăng xá mà chỉ có khu đất vườn của ông là có thể tạo lập được. Tôi nay muốn mua, ông có thể bán chăng?”. Ông Kỳ-đà đáp: “Giả sử ông dùng vàng trải khắp đất ấy ta còn chẳng bán”. Ông Tu-đạt-đa nói: “Hay thay! Thưa ông Kỳ-đà! Đất rừng thuộc về tôi, còn ông thì nhận lấy vàng”. Ông Kỳ-đà đáp: “Vườn tôi chẳng bán thì làm sao nhận lấy vàng?”. Ông Tu-đạt-đa nói: “Nếu ý ông chẳng rõ thì chúng ta sẽ cùng đi đến chỗ của người quyết đoán việc”. Hai ông trưởng giả liền cùng đi đến nơi quan phân xử. Quan phân xử nói:

“Vườn thuộc về ông Tu-đạt-đa, ông Kỳ-đà nhận lấy vàng”. Ông trưởng giả Tu-đạt-đa tức thời sai người dùng xe ngựa chở vàng lót khắp mặt đất, trong một ngày mà chỉ còn năm trăm bước là vàng chưa rải khắp. Ông Kỳ-đà nói: “Trưởng giả! Nếu ông hối hận thì tùy ý, ông được dừng lại!”. Ông Tu-đạt-đa nói: “Tôi chẳng hối hận! Đang tự suy nghĩ sẽ xuất kho nào cho đủ vàng đây?”. Ông Kỳ-đà nghĩ: “Đấng Như Lai Pháp Vương chân thật là vô thượng. Diệu pháp của Ngài nói thanh tịnh vô nhiễm nên đã khiến cho người ấy khinh của báu đến vậy”, nên liền nói với ông Tu-đạt-đa: “Chỗ còn chưa rải khắp, ông chẳng cần lấy vàng nữa. Mời ông nhận lấy đất. Tôi tự vì Đức Phật tạo lập cổng có lầu để Đức Như Lai thường ra vào cửa ấy”. Ông trưởng giả Kỳ-đà tự tạo lập cổng. Ông trưởng giả Tu-đạt-đa thì trong bảy ngày, thành lập một căn nhà lớn đủ ba trăm gian, thiền phòng, tịnh xứ, sáu mươi ba chỗ, nhà mùa đông, nhà mùa hạ mỗi mỗi đều khác biệt, nhà bếp, nhà tắm, nơi rửa chân, nhà xí đại tiểu tiện v.v... tất cả đều đầy đủ. Xây dựng xong rồi, ông liền bưng lư hương, hương về thành Vương-xá, từ xa nói: “Việc xây dựng đã xong rồi, con nguyện xin Như Lai từ bi thương xót vì các chúng sinh thọ nhận trú xứ này”. Ta biết được lòng của ông trưởng giả này nên liền cùng với đại chúng bắt đầu đi khỏi thành Vương-xá, ví như người tráng sĩ co duỗi cánh tay, khoảnh khắc đã đến Tinh xá của Tu-đạt-đa trong vườn cây của ông Kỳ-đà ở tại thành Xá-vệ. Khi Ta đã đến rồi thì trưởng giả Tu-đạt-đa đem cơ sở ấy dâng cho Ta. Khi ấy Ta nhận và cư trú tại đó.

